TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Bà Phan Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2021/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký HKTT: Khu A, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi tạm trú: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi làm việc: xưởng CMB, Công ty C, Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Phan Minh P, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký HKTT: Khu A, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi làm việc: xưởng Phi lon, Công ty C, Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông P có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Bà và ông Phan Minh P tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1994. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đồng thời ông P có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, gia đình bất hòa, không hạnh phúc. Ông bà sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Minh P.

Về con chung: Bà và ông Phan Minh P có 02 con chung tên Phan Thị Kim T, sinh ngày 01/9/1994 và Phan Minh T, sinh ngày 06/01/2003. Cháu T, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/01/2022, bị đơn ông Phan Minh P trình bày:*

Ông và Bà tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1994. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống về kinh tế gia đình, vợ chồng không hợp tính tình dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, dần dần tình cảm không còn, không quan tâm, chia sẻ gì với nhau, mạnh ai nấy sống. Ông và bà H đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị H có 02 con chung tên Phan Thị Kim T, sinh ngày 01/9/1994 và Phan Minh T, sinh ngày 06/01/2003. Cháu T, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phan Minh P. Về con chung: Cháu T, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Minh P, ông P có địa chỉ tại: Khu A, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nơi làm việc: xưởng Phi lon, Công ty C, Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: "Ly hôn".

- Bà Lê Thị H, ông Phan Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Phan Minh P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 03 ngày 02/5/1994 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Bà H vẫn cương quyết được ly hôn với ông P do không thể tiếp tục sống chung được nữa, ông P cũng đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông P là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn, căn cứ Điều 56,

57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của bà H về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà H được ly hôn với ông Phan Minh P.

- Về con chung: Ông và bà Lê Thị H có 02 con chung tên Phan Thị Kim T, sinh ngày 01/9/1994 và Phan Minh T, sinh ngày 06/01/2003. Cháu T, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006347 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 9, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phan Minh P.

- Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung tên Phan Thị Kim T, sinh ngày 01/9/1994 và Phan Minh T, sinh ngày 06/01/2003. Cháu T, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án, bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006347 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Phan Minh P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nhung